STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá viện phí TT1	Giá BHYT TT13	Loại PTTT	Giá TT22
1120	(XHH)Cấy chỉ	Lần	143000	0	TT1	148,000
1121	(XHH)Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	143000	0	TT1	148,000
1122	(XHH)Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần	143000	0	TT1	148,000
1123	(XHH)Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Lần	143000	0	TT1	148,000
1124	(XHH)Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	143000	0	TT1	148,000
1125	(XHH)Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	143000	0	TT1	148,000
1126	(XHH)Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần	143000	0	TT1	148,000
1127	(XHH)Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Lần	143000	0	TT1	148,000
1128	(XHH)Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	143000	0	TT1	148,000
1129	(XHH)Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	143000	0	TT1	148,000
1130	(XHH)Chích lể	Lần	65300	0	TT3	69,400
1131	(XHH)Chườm ngải	Lần	35500	0	TT3	36,100
1132	(XHH)Cứu	Lần	35500	0	TT3	36,100
1133	(XHH)Cứu điều trị bí đái thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1134	(XHH)Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1135	(XHH)Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1136	(XHH)Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1137	(XHH)Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hà	Lần	35500	0	TT3	36,100
1138	(XHH)Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1139	(XHH)Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	35500	0	TK	36,100
1140	(XHH)Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1141	(XHH)Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1142	(XHH)Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1143	(XHH)Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1144	(XHH)Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Lần	35500	0	TT3	36,100
1145	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)	Lần	67300	0	TT2	71,400
1146	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị bại não]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1147	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị bí đái]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1148	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị đau đầu, đau nửa đầu]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1149	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị đau dây thần kinh liên s	Lần	67300	0	TT2	71,400
1150	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị đau lưng]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1151	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị đau thần kinh toạ]	Lần	67300	0	TT2	71,400

1152	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị di chứng bại liệt]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1153	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị hội chứng vai gáy]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1154	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị liệt chi dưới]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1155	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị liệt dây thần kinh VII ng	Lần	67300	0	TT2	71,400
1156	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị liệt nửa người]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1157	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị mất ngủ]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1158	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị nôn nấc]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1159	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị sụp mi]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1160	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị teo cơ]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1161	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị thoái hóa khớp]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1162	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị tổn thương dây thần ki	Lần	67300	0	TT2	71,400
1163	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị tổn thương gây liệt rễ,	Lần	67300	0	TT2	71,400
1164	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị viêm khớp dạng thấp]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1165	(XHH)Điện châm (Kim ngắn)[điều trị viêm quanh khớp vai]	Lần	67300	0	TT2	71,400
1166	(XHH)Điện châm điều trị bí đái cơ năng	Lần	67300	0	TT2	71,400
1167	(XHH)Điện châm điều trị cảm mạo	Lần	67300	0	TT2	71,400
1168	(XHH)Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại nã	Lần	67300	0	TT2	71,400
1169	(XHH)Điện châm điều trị chắp lẹo	Lần	67300	0	TT2	71,400
1170	(XHH)Điện châm điều trị giảm khứu giác	Lần	67300	0	TT2	71,400
1171	(XHH)Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	67300	0	TT2	71,400
1172	(XHH)Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần	67300	0	TT2	71,400
1173	(XHH)Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần	67300	0	TT2	71,400
1174	(XHH)Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	67300	0	TT2	71,400
1175	(XHH)Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	67300	0	TT2	71,400
1176	(XHH)Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	67300	0	TT2	71,400
1177	(XHH)Điện châm điều trị trĩ	Lần	67300	0	TT2	71,400
1178	(XHH)Điện châm điều trị ù tai	Lần	67300	0	TT2	71,400
1179	(XHH)Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	67300	0	TT2	71,400
1180	(XHH)Điện mãng châm điều trị	Lần	74300	0	TK	78,400
1181	(XHH)Điện mãng châm điều trị béo phì	Lần	74300	0	TT1	78,400
1182	(XHH)Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	Lần	74300	0	TT1	78,400
1183	(XHH)Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần	74300	0	TT1	78,400
1184	(XHH)Điện mãng châm điều trị đau lưng	Lần	74300	0	TT1	78,400

1185	(XHH)Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	Lần	74300	0	TT1	78,400
1186	(XHH)Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	Lần	74300	0	TT1	78,400
1187	(XHH)Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Lần	74300	0	TT1	78,400
1188	(XHH)Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	Lần	74300	0	TT1	78,400
1189	(XHH)Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	74300	0	TT1	78,400
1190	(XHH)Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	74300	0	TT1	78,400
1191	(XHH)Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	74300	0	TT1	78,400
1192	(XHH)Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Lần	74300	0	TT1	78,400
1193	(XHH)Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Lần	74300	0	TT1	78,400
1194	(XHH)Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Lần	74300	0	TT1	78,400
1195	(XHH)Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại bi	Lần	74300	0	TT1	78,400
1196	(XHH)Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạ	Lần	74300	0	TT1	78,400
1197	(XHH)Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cộ	Lần	74300	0	TT1	78,400
1198	(XHH)Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	74300	0	TT1	78,400
1199	(XHH)Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	74300	0	TT1	78,400
1200	(XHH)Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	Lần	74300	0	TT1	78,400
1201	(XHH)Điện mãng châm điều trị trĩ	Lần	74300	0	TT1	78,400
1202	(XHH)Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	Lần	74300	0	TT1	78,400
1203	(XHH)Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	74300	0	TT1	78,400
1204	(XHH)Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	74300	0	TT1	78,400
1205	(XHH)Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ	Lần	74300	0	TT1	78,400
1206	(XHH)Giác hơi điều trị các chứng đau	Lần	33200	0	TT3	34,500
1207	(XHH)Giác hơi điều trị cảm cúm	Lần	33200	0	TT3	34,500
1208	(XHH)Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	33200	0	TT3	34,500
1209	(XHH)Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Lần	33200	0	TT3	34,500
1210	(XHH)Hào châm	Lần	65300	0	TT3	69,400
1211	(XHH)Kéo nắn cột sống cổ	Lần	45300	0	TT2	48,700
1212	(XHH)Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	45300	0	TT2	48,700
1213	(XHH)Thủy châm	Lần	66100	0	TT2	70,100
1214	(XHH)Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	66100	0	TT2	70,100
1215	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Lần	65500	0	TT2	69,300
1216	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần	65500	0	TT2	69,300
1217	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Lần	65500	0	TT2	69,300

1218	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở t	Lần	65500	0	TT2	69,300
1219	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần	65500	0	TT2	69,300
1220	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	65500	0	TT2	69,300
1221	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Lần	65500	0	TT2	69,300
1222	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	65500	0	TT2	69,300
1223	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	65500	0	TT2	69,300
1224	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	65500	0	TT2	69,300
1225	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Lần	65500	0	TT2	69,300
1226	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	65500	0	TT2	69,300
1227	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	65500	0	TT2	69,300
1228	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	65500	0	TT2	69,300
1229	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	65500	0	TT2	69,300
1230	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần	65500	0	TT2	69,300
1231	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Lần	65500	0	TT2	69,300
1232	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	65500	0	TT2	69,300
1233	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	65500	0	TT2	69,300
1234	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Lần	65500	0	TT2	69,300
1235	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Lần	65500	0	TT2	69,300
1236	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần	65500	0	TT2	69,300
1237	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	65500	0	TT2	69,300
1238	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	65500	0	TT2	69,300
1239	(XHH)Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần	65500	0	TT2	69,300
1240	(XHH)Xông hơi thuốc	Lần	42900	0	TT3	45,600
1241	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	Lần	193000	193000	TT2	204,000
1242	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	Lần	130000	130000	TT2	134,000
1243	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè[Nhi Khoa]	Lần	144000	144000	TT2	152,000
1244	Bơm rửa lệ đạo[Nhi Khoa]	Lần	36700	36700	TT2	38,300
1245	Bơm thông lệ đạo[Nhi Khoa]	Lần	94400	94400	TT1	98,600
1246	Cắt bỏ chắp có bọc[Nhi Khoa]	Lần	78400	78400	TT1	81,000
1247	Cắt chỉ khâu giác mạc[Nhi Khoa]	Lần	32900	32900	TT2	35,600
1248	Cắt chỉ khâu kết mạc[Nhi Khoa]	Lần	32900	32900	TT3	35,600
1249	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới[Nhi Khoa]	Lần	158000	158000	TT1	166,000
1250	Châm tê nhổ răng khôn mọc lệch hoặc ngầm dưới lợi, dưới	Lần	70000	70000		78,400

1251	Chích áp xe quanh Amidan[Nhi Khoa]	Lần	263000	263000	TT1	274,000
1252	Chích rạch màng nhĩ[Nhi Khoa]	Lần	61200	61200	TT3	64,200
1253	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	Lần	186000	186000	TT3	197,000
1254	Chọc dịch tủy sống[Nhi Khoa]	Lần	107000	107000	TT2	114,000
1255	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	Lần	166000	166000	TT3	170,000
1256	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm	Lần	221000	221000	TT2	228,000
1257	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn[Nhi Kho	Lần	49900	49900	TT2	53,000
1258	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm[Nhi Khoa]	Lần	363000	363000	TT4	382,000
1259	Đặt ống nội khí quản[Nhi Khoa]	Lần	568000	568000	TT1	579,000
1260	Đặt ống thông dạ dày[Nhi Khoa]	Lần	90100	90100	TT3	94,300
1261	Điện châm	Lần	74300	74300	TT2	78,400
1262	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình[Nhi Khoa]	Lần	67300	67300	TT2	71,400
1263	Điện châm điều trị liệt chi trên[Nhi Khoa]	Lần	67300	67300	TT2	71,400
1264	Điều trị bằng các dòng điện xung[Nhi Khoa]	Lần	41400	41400	TT3	42,700
1265	Điều trị bằng điện phân thuốc[Nhi Khoa]	Lần	45400	45400	TT3	46,700
1266	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn[Nhi Khoa]	Lần	34900	34900	TT3	37,200
1267	Điều trị bằng tia hồng ngoại[Nhi Khoa]	Lần	35200	35200		37,300
1268	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ[Nhi Khoa]	Lần	34200	34200		36,300
1269	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân[Nhi Khoa]	Lần	34200	34200	TT3	36,300
1270	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên[Nhi Khoa]	Lần	312000	312000	TT4	323,000
1271	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục[Nhi Khoa]	Lần	334000	334000	TT4	351,000
1272	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1273	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam[Nhi Khoa]	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1274	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer[Nhi Khoa]	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1275	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1276	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1277	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (	Lần	247000	247000	TT2	259,000
1278	Điều trị tủy răng sữa[Nhi Khoa]	Lần	271000	271000	TT1	280,000
1279	Điều trị tủy răng sữa[Nhi Khoa]	Lần	382000	382000	TT1	394,000
1280	Đo các chất khí trong máu	Lần	215000	215000		218,000
1281	Đo lactat trong máu	Lần	96900	96900		98,400
1282	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứ	Lần	649000	649000	TT1	661,000
1283	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	Lần	258000	258000	TT3	271,000

1284	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy	Lần	405000	405000	TT4	416,000
1285	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ[Nhi Khoa]	Lần	257000	257000	TT1	268,000
1286	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ[Nhi Khoa]	Lần	178000	178000	TT1	184,000
1287	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ[Nhi Khoa]	Lần	237000	237000	TT1	248,000
1288	Khí dung mũi họng[Nhi Khoa]	Lần	20400	20400	TT1	23,000
1289	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm s	Lần	714000	714000	TT3	727,000
1290	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (	Lần	335000	335000	TT3	341,000
1291	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pha	Lần	234000	234000	TT2	242,000
1292	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Lần	48600	48600		52,500
1293	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	Lần	48600	48600		52,500
1294	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	Lần	48600	48600		52,500
1295	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy số	Lần	203000	203000	TT3	209,000
1296	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủ	Lần	146000	146000		152,000
1297	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản[Nhi Khoa]	Lần	20500	20500	TT1	21,100
1298	Làm thuốc tai[Nhi Khoa]	Lần	20500	20500	TT3	21,100
1299	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lần	82100	82100	TT1	88,400
1300	Lấy dị vật giác mạc[Nhi Khoa]	Lần	665000	665000	TT1	688,000
1301	Lấy dị vật giác mạc[Nhi Khoa]	Lần	862000	862000	TT1	893,000
1302	Lấy dị vật giác mạc[Nhi Khoa]	Lần	327000	327000	TT1	338,000
1303	Lấy dị vật hạ họng[Nhi Khoa]	Lần	40800	40800	TT2	41,600
1304	Lấy dị vật kết mạc[Nhi Khoa]	Lần	64400	64400	TT2	67,000
1305	Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat	Lần	114000	114000	TT3	120,000
1306	Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp	Lần	114000	114000	TT3	120,000
1307	Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)	Lần	562000	562000		574,000
1308	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Lần	1662000	1662000	TT1	1,724,000
1309	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê[Nhi Khoa	Lần	1662000	1662000	TT1	1,724,000
1310	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi[Nhi Khoa]	Lần	35200	35200	TT3	37,300
1311	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay[Nhi Kho	Lần	399000	399000	TT1	412,000
1312	Nắn, bó bột cột sống[Nhi Khoa]	Lần	624000	624000	TT1	637,000
1313	Nắn, bó bột cột sống[Nhi Khoa]	Lần	344000	344000	TT1	357,000
1314	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1315	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1316	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi[Nhi Khoa]	Lần	624000	624000	TT1	637,000

1317	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1318	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1319	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1320	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay[Nhi Khoa]	Lần	212000	212000	TT1	223,000
1321	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi[Nhi Khoa]	Lần	624000	624000	TT1	637,000
1322	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1323	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay[Nhi Khoa]	Lần	254000	254000	TT1	271,000
1324	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng[Nh	Lần	624000	624000	TT1	637,000
1325	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi[Nhi Khoa]	Lần	624000	624000	TT1	637,000
1326	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi[Nhi Khoa]	Lần	624000	624000	TT1	637,000
1327	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi[Nhi Khoa]	Lần	344000	344000	TT1	357,000
1328	Nắn, bó bột gãy mâm chày[Nhi Khoa]	Lần	254000	254000	TT1	271,000
1329	Nắn, bó bột gãy Monteggia[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1330	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1331	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân[Nhi Khoa]	Lần	234000	234000	TT1	242,000
1332	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay[Nhi Khoa]	Lần	234000	234000	TT2	242,000
1333	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay[Nhi Khoa]	Lần	162000	162000	TT2	173,000
1334	Nắn, bó bột gãy xương chày[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000
1335	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân[Nhi Khoa]	Lần	234000	234000	TT2	242,000
1336	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	Lần	234000	234000	TT2	242,000
1337	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân[Nhi Khoa]	Lần	259000	259000	TT2	267,000
1338	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân[Nhi Khoa]	Lần	159000	159000	TT2	167,000
1339	Nắn, bó bột trật khớp gối[Nhi Khoa]	Lần	259000	259000	TT2	267,000
1340	Nắn, bó bột trật khớp gối[Nhi Khoa]	Lần	159000	159000	TT2	167,000
1341	Nắn, bó bột trật khớp háng[Nhi Khoa]	Lần	644000	644000	TT1	652,000
1342	Nắn, bó bột trật khớp háng[Nhi Khoa]	Lần	274000	274000	TT1	282,000
1343	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu[Nhi Khoa]	Lần	221000	221000	TT1	234,000
1344	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu[Nhi Khoa]	Lần	399000	399000	TT1	412,000
1345	Nắn, bó bột trật khớp vai[Nhi Khoa]	Lần	319000	319000	TT1	327,000
1346	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn[Nhi Khoa]	Lần	399000	399000	TT2	412,000
1347	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng[Nhi Kh	Lần	259000	259000	TT1	267,000
1348	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng[Nhi Kh	Lần	159000	159000	TT1	167,000
1349	Nắn, bó bột gãy mâm chày[Nhi Khoa]	Lần	335000	335000	TT1	348,000

1350	Nhét bấc mũi sau[Nhi Khoa]	Lần	116000	116000	TT2	124,000
1351	Nhét bấc mũi trước[Nhi Khoa]	Lần	116000	116000	TT2	124,000
1352	Nhổ chân răng sữa[Nhi Khoa]	Lần	37300	37300	TT1	40,700
1353	Nhổ chân răng vĩnh viễn[Nhi Khoa]	Lần	190000	190000	TT1	200,000
1354	Nhổ răng sữa[Nhi Khoa]	Lần	37300	37300	TT1	40,700
1355	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay[Nhi Khoa]	Lần	102000	102000	TT1	105,000
1356	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để	Lần	728000	728000	TT1	753,000
1357	Nội soi đại tràng sigma[Nhi Khoa]	Lần	305000	305000	TT3	322,000
1358	Nội soi đại tràng-lấy dị vật[Nhi Khoa]	Lần	1696000	1696000	TT1	1,713,000
1359	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết[Nhi Khoa]	Lần	408000	408000	TT1	430,000
1360	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	Lần	104000	104000		108,000
1361	Nội soi họng[Nhi Khoa]	Lần	40000	40000		108,000
1362	Nội soi mũi[Nhi Khoa]	Lần	40000	40000		108,000
1363	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần	703000	703000	TT4	722,000
1364	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ[Nhi Khoa]	Lần	243000	243000	TT2	258,000
1365	Phong bế thần kinh bằng Phenol để điều trị co cứng cơ	Lần	1050000	1050000	TT2	1,088,000
1366	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser[Nhi Kho	Lần	337000	337000	TT1	348,000
1367	Phục hồi cổ răng bằng Composite[Nhi Khoa]	Lần	337000	337000	TT1	348,000
1368	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụ	Lần	337000	337000	TT2	348,000
1369	Rạch áp xe túi lệ[Nhi Khoa]	Lần	186000	186000	TT1	197,000
1370	Rửa bàng quang lấy máu cục[Nhi Khoa]	Lần	198000	198000	TT2	209,000
1371	Rửa cùng đồ[Nhi Khoa]	Lần	41600	41600	TT2	44,000
1372	Rửa dạ dày cấp cứu[Nhi Khoa]	Lần	119000	119000	TT2	131,000
1373	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín[Nhi Khoa]	Lần	589000	589000	TT2	601,000
1374	Rút máu để điều trị	Lần	236000	236000	TT2	256,000
1375	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da	Lần	178000	178000	TK	184,000
1376	Siêu âm điều trị[Nhi Khoa]	Lần	45600	45600	TT3	46,700
1377	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	1104000	1104000	TT2	1,128,000
1378	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu[Nhi Khoa]	Lần	989000	989000	TT2	1,008,000
1379	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương[Nhi Khoa]	Lần	52500	52500	TT2	55,300
1380	Soi đáy mắt trực tiếp[Nhi Khoa]	Lần	52500	52500	TT2	55,300
1381	Soi góc tiền phòng[Nhi Khoa]	Lần	52500	52500	TT2	55,300
1382	Tập do cứng khớp	Lần	45700	45700	TK	49,500

1383	Tập nhược thị[Nhi Khoa]	Lần	31700	31700		36,100
1384	Tập vận động đoạn chi 30 phút[Nhi Khoa]	Lần	42300	42300	TT3	45,700
1385	Tập vận động toàn thân 30 phút[Nhi Khoa]	Lần	46900	46900	TT3	51,400
1386	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	Lần	29000	29000	TK	30,600
1387	Tập với hệ thống ròng rọc[Nhi Khoa]	Lần	11200	11200		12,500
1388	Tập với xe đạp tập[Nhi Khoa]	Lần	11200	11200		12,500
1389	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	Lần	392000	392000	TT2	414,000
1390	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Lần	57600	57600	TT3	60,000
1391	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	32900	32900	TT3	35,600
1392	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	179000	179000	TT3	184,000
1393	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	57600	57600	TT3	60,000
1394	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	112000	112000	TT3	115,000
1395	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	134000	134000	TT3	139,000
1396	Thay băng, cắt chỉ vết mổ[Nhi Khoa]	Lần	240000	240000	TT3	253,000
1397	Thay băng, cắt chỉ[Nhi Khoa]	Lần	57600	57600	TT2	60,000
1398	Thay canuyn	Lần	247000	247000	TT2	253,000
1399	Thay canuyn mở khí quản[Nhi Khoa]	Lần	247000	247000	TT2	253,000
1400	Thay transfer set ở bệnh nhân lọc màng bụng liên tục ngoại	Lần	502000	502000	TT1	505,000
1401	Thụt tháo phân[Nhi Khoa]	Lần	82100	82100	TT3	85,900
1402	Thụt tháo phân[Nhi Khoa]	Lần	82100	82100	TT3	85,900
1403	Thủy châm điều trị đau lưng[Nhi Khoa]	Lần	66100	66100	TT2	70,100
1404	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình[Nhi Khoa]	Lần	66100	66100	TT2	70,100
1405	Thủy châm điều trị liệt chi trên[Nhi Khoa]	Lần	66100	66100	TT2	70,100
1406	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai[Nhi Khoa]	Lần	66100	66100	TT2	70,100
1407	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị co cứ	Lần	1157000	1157000	TT2	1,195,000
1408	Tiêm cạnh cột sống cổ	Lần	91500	91500	TT2	96,200
1409	Tiêm cạnh cột sống ngực	Lần	91500	91500	TT2	96,200
1410	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	Lần	91500	91500	TT2	96,200
1411	Tiêm cạnh nhãn cầu[Nhi Khoa]	Lần	47500	47500	TT2	50,300
1412	Tiêm dưới kết mạc[Nhi Khoa]	Lần	47500	47500	TT2	50,300
1413	Tiêm hậu nhãn cầu[Nhi Khoa]	Lần	47500	47500	TT2	50,300
1414	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi[Nhi Khoa	Lần	250000	250000	TT1	265,000
1415	Tiêm khớp cùng chậu	Lần	91500	91500	TT2	96,200

1416	Tiêm khớp thái dương hàm	Lần	91500	91500	TT2	96,200
1417	Tiêm ngoài màng cứng	Lần	319000	319000	TT2	336,000
1418	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp[Nhi Khoa]	Lần	212000	212000	TT1	224,000
1419	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp[Nhi Khoa]	Lần	212000	212000	TT1	224,000
1420	Truyền hóa chất tĩnh mạch[Nhi Khoa]	Lần	155000	155000	TT1	161,000
1421	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Lần	12600	12600		13,000
1422	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần	15200	15200		15,500
1423	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu[Nhi Khoa	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1427	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn[Nhi Kho	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại bi	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V[Nhi	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây th	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp[Nhi Khoa]	Lần	65500	65500	TT2	69,300
1440	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)[Nhi Khoa]	Lần	41800	41800	TT3	45,200
1441	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)[Nhi Khoa]	Lần	50700	50700	TT3	55,800